

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 61/2024/HS-ST

Ngày: 28 - 6 - 2024.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Dương Thị Bé Thi.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. **Bà Lê Thị Thường.**

2. **Ông Lê Minh Thắng.**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Tiểu Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/QĐXXST-HS ngày 13-6-2024 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Văn X**, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1990 tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: **Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang**; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Nguyễn Văn D** và bà **Mai Tuyết H**; bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 2021); tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 29-10-2023 đến ngày 07-11-2023 tạm giam đến nay, tại Trại tạm giam **Công an tỉnh A**. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông **Võ Minh H1**, sinh năm 1950; nơi cư trú: **Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang** (có đơn xin vắng mặt).

- Anh **Đặng Thế H2**, sinh năm 1988; nơi cư trú: **Ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang** (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Bé H3**, sinh

năm 1985; nơi cư trú: Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người làm chứng: Ông Nguyễn Thành H4, sinh năm 1978; nơi cư trú: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, Nguyễn Văn X cung cấp thông tin cá nhân của X cho đối tượng không rõ họ tên, địa chỉ qua mạng xã hội Z để thuê làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau đó, X sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền của người khác nhằm chiếm đoạt. Đến khoảng tháng 9/2023, thông qua mạng xã hội Z, X thuê người thanh niên tên S (không xác định được nhân thân) làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01702 do Ủy ban nhân dân huyện T, cấp cho Nguyễn Văn X ngày 06/8/2022 thuộc thửa đất số 266, tờ bản đồ số 51, diện tích 150m², tọa lạc tại thị trấn N, huyện T với giá 5.000.000 đồng. Có giấy đất giả này, ngày 14/10/2023, X hỏi vay của Võ Minh H1 20.000.000 đồng, lãi suất 05%/tháng; để tạo lòng tin, X giao giấy đất giả cho H1, tin thật nên H1 đồng ý cho X vay. Tiếp tục, vào các ngày 22/10; 23/10/2023, X vay thêm của H1 60.000.000 đồng.

Do nghi ngờ X không có khả năng trả lãi như thỏa thuận nên H1 yêu cầu X trả lại tiền đã vay và nhận lại giấy đất, lúc này X liên hệ với Đặng Thế H2 hỏi vay 70.000.000 đồng, đồng thời Xích gửi ảnh giấy đất giả qua Zalo cho H2 xem. H2 tin thật nên X gặp tại quán “T” thuộc ấp V, xã V giao nhận tiền.

Ngày 29/10/2023, X đến nhà gặp H1 yêu cầu đưa lại giấy đất để X vay tiền của H2, xong sẽ trả lại tiền đã vay trước đó cho H1 thì H1 đồng ý và đưa giấy đất cho Nguyễn Thành H4 (cháu ruột của H1) cùng X đến quán “Thanh X1” gặp H2. Tại đây, X lấy giấy đất giả giao cho H2 cầm, còn H2 đưa 70.000.000 đồng cho X kiểm đếm, sau khi nhận giấy đất H2 kiểm tra thông tin ghi trên giấy là giả nên H2 gọi điện trình báo Công an xã V đến mời Xích về trụ sở làm việc, thì X khai nhận giấy đất cầm cố cho H2 là giấy giả nên Công an xã V lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Ngày 06/11/2023, X bị khởi tố điều tra.

Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng:

- Tiền Việt Nam: 70.000.000 đồng,

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU838061 do Nguyễn Văn X đứng tên sở hữu, căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn X;

- Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng, số máy MQ3E2VN/A, số seri FFMMWWVVMHXR6, Imei 356147092527588.

Ngày 29-10-2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T trả lại cho anh Đặng Thế H2 tiền Việt Nam 70.000.000 đồng.

* *Kết luận giám định số 73 ngày 18/02/2024 của Phòng K - Công an tỉnh A ghi nhận:* Tìm thấy dữ liệu lưu trữ trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone có số Imei 356147092527588 do Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T gửi giám định, chi tiết thể hiện trong đĩa DVD dữ liệu trích xuất kèm theo.

* *Kết luận giám định số 112 ngày 11/02/2024 của Phòng K - Công an tỉnh A ghi nhận:* Mẫu in giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cần giám định (ký hiệu A) là mẫu in giả;

Hình dấu tròn “Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) là hình dấu được tạo ra bằng phương pháp in phun màu;

Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc T trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc T trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2 đến M6) không phải do cùng một người ký ra.

Tại cơ quan điều tra,

Bị cáo khai nhận: Vào khoảng tháng 9-2023 bị cáo cần tiền tiêu xài nên nảy sinh ý định làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ người thanh niên tên S (không rõ họ tên, địa chỉ ở đâu) với mục đích sử dụng giấy giả này để đi vay tiền. Cụ thể, ngày 14-10-2023, bị cáo vay của ông Võ Minh H1 số tiền 20.000.000 đồng, để tạo lòng tin bị cáo đưa giấy đất giả cho ông H1 nên ông H1 đồng ý cho bị cáo vay tiền, đến ngày 22-10 và ngày 23-10-2023, bị cáo tiếp tục vay thêm của ông H1 số tiền là 60.000.000 đồng. Do ông H1 nghi ngờ bị cáo không có khả năng trả số tiền lãi đã thỏa thuận là 05%/tháng, ông H1 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền vay tổng cộng là 80.000.000 đồng nên bị cáo liên hệ anh Đặng Thế H2 để vay số tiền 70.000.000 đồng và tiếp tục lấy lại giấy đất giả từ ông H1 đưa cho anh H2 làm tin để vay tiền, tin thật nên anh H2 đồng ý cho bị cáo vay tiền, trong lúc bị cáo kiểm đếm tiền, anh H2 xem thông tin ghi trên giấy đất là giả nên anh H2 trình báo Công an xã V đến bắt quả tang bị cáo cùng tang vật.

Bị hại ông **Võ Minh H1** khai nhận: Vào ngày 14-10-2023 bị cáo sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ông không biết là giấy đất giả) làm tin để vay số tiền của ông là 20.000.000 đồng, tin là giấy đất thật nên ông đồng ý cho bị cáo vay tiền. Sau đó, bị cáo tiếp tục vay thêm số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 22-10-2023 và vay số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 23-10-2023; hai bên thỏa thuận lãi suất 05%/tháng nhưng bị cáo vẫn chưa trả được khoản tiền lãi nào cho ông, ông nghi ngờ bị cáo không có khả năng trả lãi nên ông yêu cầu bị cáo trả lại số tiền vay tổng cộng là 80.000.000 đồng cho ông, ông trả lại giấy đất cho bị cáo. Sau đó, bị cáo lấy giấy đất từ ông đưa cho anh **H2** để vay tiền thì anh **H2** phát hiện giấy đất giả và bị bắt quả tang, lúc này ông mới biết giấy đất bị cáo dùng để vay tiền của ông là giả. Hiện bị cáo và gia đình đã khắc phục trả lại cho ông số tiền 80.000.000 đồng nên ông không yêu cầu gì thêm; về trách nhiệm hình sự, ông xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Bị hại anh **Đặng Thế H2** khai nhận: Ngày 28-10-2023, bị cáo hỏi vay tiền và gửi ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất qua mạng xã hội Zalo cho anh xem làm tin để vay số tiền 70.000.000 đồng, tin là giấy đất thật nên anh đồng ý cho bị cáo vay tiền. Ngày 29-10-2023, anh và bị cáo hẹn gặp nhau tại quán “**T**” để giao tiền và nhận giấy đất; trong lúc bị cáo kiểm đếm tiền, anh xem lại thông tin ghi trên giấy đất thì phát hiện là giấy đất giả nên anh trình báo **Công an xã V** đến bắt quả tang. Hiện anh đã nhận lại số tiền 70.000.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm; anh xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Bé H3** khai nhận: Chị là vợ của bị cáo, chị không biết việc bị cáo thuê người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đi vay tiền nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác.

Người làm chứng ông **Nguyễn Thành H4** khai nhận: Ông là cháu của ông **Võ Minh H1**. Ngày 29-10-2023, ông **H1** nhờ ông cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị cáo (lúc này ông không biết giấy đất của bị cáo là giả) đến quán “**Thanh X1**” cùng với bị cáo để bị cáo lấy giấy đất này đưa lại cho anh **H2** vay tiền, xong sẽ trả lại tiền vay trước đó cho ông **H1**. Trong lúc bị cáo kiểm đếm tiền từ anh **H2** cho vay thì anh **H2** phát hiện giấy đất giả nên anh **H2** trình báo **Công an xã V** đến bắt quả tang, lúc này ông mới biết giấy đất của bị cáo là giả.

Tại Cáo trạng số: 45/CT-VKSTS-HS ngày 24-4-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn truy tố bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa,

Bị cáo khai nhận về hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **Nguyễn Thị Bé H3** khai nhận: Chị vẫn giữ nguyên lời khai như tại Cơ quan điều tra trong quá trình điều tra vụ án. Hiện chị đã khắc phục số tiền 80.000.000 đồng cho bị hại ông **Võ Minh H1**; **đây là số tiền của chị, chị cho bị cáo khắc phục hậu quả**, không yêu cầu bị cáo trả lại; chị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Các bị hại; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo từ 02 đến 03 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 02 đến 03 năm tù về tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội từ 04 đến 06 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-10-2023.

Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài ghi vụ số: 73/KL-KTHS ngày 18-02-2024 được đóng dấu tròn mực đỏ giáp lai của Cơ quan CSĐT **Công an huyện T** có chữ ký tên, viết tên **Giáp Thanh T1** và **Danh Minh T2**. Bên trong có một điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6, số Imei: 356147092527588, có gắn thẻ sim (qua sử dụng).

Lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, số: BU 838061 của **Nguyễn Văn X**,

sinh năm 1990, nơi thường trú: **Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang** do **UBND huyện T**, cấp ngày 06/8/2022.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên không đặt ra xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo thống nhất quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, bị cáo không tranh luận bào chữa.

Bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện T**, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Tại phiên tòa, bị hại ông **Võ Minh H1** có đơn xin vắng mặt; bị hại anh **Đặng Thế H2**; người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, mặc dù Tòa án đã tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận, khoảng tháng 9/2023 do cần tiền tiêu xài nên bị cáo nảy sinh ý định thuê người làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để sử dụng giấy đất giả này tạo lòng tin cho bị hại tin tưởng là giấy thật, nhận cầm giấy đất và cho bị cáo vay

tiền. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 150.000.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, lời khai tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận bị cáo phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, xâm phạm đến sự hoạt động bình thường và uy tín của các Cơ quan Nhà nước, tổ chức, gây tâm lý lo lắng, hoang mang trong xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài, bị cáo cố ý thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[4.1] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo có con nhỏ và được các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4.3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Với tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử buộc bị cáo chấp hành hình phạt tù trong một khoảng thời gian nhất định là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và đấu tranh, phòng ngừa chung.

[6] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*” và khoản 4 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài ghi vụ số: 73/KL-KTHS ngày 18-02-2024 được đóng dấu tròn mực đỏ giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện T có chữ ký tên, viết tên Giáp Thanh T1 và Danh Minh T2. Bên trong có một điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6, số Imei: 356147092527588, có gắn thẻ sim (qua sử dụng). Bị cáo sử dụng điện thoại di động này thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, số: BU 838061 của Nguyễn Văn X, sinh năm 1990, nơi thường trú: Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang do UBND huyện T, cấp ngày 06/8/2022. Đây là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và là vật chứng của vụ án nên cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm; Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Đối với người thanh niên tên S làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bị cáo chưa rõ nhân thân nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

[10] Võ Minh H1, Nguyễn Thành H4 đưa giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01702 do Ủy ban nhân dân huyện T, cấp tên Nguyễn Văn X ngày 06/8/2022, để X vay tiền Đặng Thế H2 nhưng không biết X sử dụng giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo nên Cơ quan cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự H1, H4 với vai trò đồng phạm là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phân tích về tính chất mức độ phạm tội, đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn X phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn X 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn X 02 (hai) năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Tổng hợp hình phạt chung cho cả 02 tội bị cáo Nguyễn Văn X phải chấp hành là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29-10-2023.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) phong bì màu trắng dán kín, bên ngoài ghi vụ số: 73/KL-KTHS ngày 18-02-2024 được đóng dấu tròn mực đỏ giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện T có chữ ký tên, viết tên Giáp Thanh T1 và Danh Minh T2. Bên trong có một điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 6, số Imei: 356147092527588, có gắn thẻ sim (qua sử dụng).

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất, số: BU 838061 của **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1990, nơi thường trú: **Khóm Đ, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang** do **UBND huyện T**, cấp ngày 06/8/2022.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 03-5-2024)

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan điều tra CA huyện Thoại Sơn;
- Cơ quan THAHS huyện Thoại Sơn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Bé Thi